

Bản án số: 101/2022/DS-ST

Ngày: 18/7/2022

V/v tranh chấp:

“Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Tổng Văn Tư**

2. Ông **Trần Thanh Tùng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè:* Không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 166/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2022/QĐXXST-DS ngày 15/6/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lưu Đông N**, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* - Ông **Huỳnh Minh H**, sinh năm: 1966

- Bà **Phạm Thị Kim T**, sinh năm: 1968

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Ông N, bà T, ông H có mặt tại phiên tòa.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 13/01/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lưu Đông N trình bày:

Vào ngày 22/6/2020, bị đơn ông Huỳnh Minh H và bà Phạm Thị Kim T có vay của ông nhiều lần với tổng cộng số tiền 240.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng, thời hạn trả làm 05 lần, hạn chót trả vào ngày 30/02/2022. Sau khi vay ông H, bà T có trả được số tiền 18.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 222.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu ông H, bà T trả số tiền 222.000.000 đồng và cung cấp chứng cứ là “Biên nhận đề ngày 22/6/2022”.

- Theo bản tự khai không đề ngày bị đơn ông Huỳnh Minh H và bà Phạm Thị Kim T trình bày:

Vào năm 2018, ông bà có vay tiền của ông N nhiều lần và có trả. Đến ngày mừng 01/8AL/2018 ông bà còn thiếu số tiền 140.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, sau khi vay ông bà trả được 03 tháng tiền lãi số tiền là 25.200.000 đồng thì ngưng. Đến ngày 30/10/2019 trả vốn số tiền 10.000.000 đồng, còn nợ lại tiền vốn vay là 130.000.000 đồng. Sau ông N tính thêm tiền lãi thành số tiền 280.000.000 đồng và ông bà trả được 04 lần mỗi lần 10.000.000 đồng, tổng cộng số tiền là 40.000.000 đồng, ông N tính còn nợ số tiền là 240.000.000 đồng, sau đó có trả được 03 lần mỗi lần 6.000.000 đồng là 18.000.000 đồng. Nay ông bà chỉ đồng ý trả cho ông N số tiền vốn là 130.000.000 đồng và trả tiền lãi theo mức lãi suất Ngân hàng nhà nước quy định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông N kiện ông H, bà T tranh chấp về số tiền vay, đây là giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ tranh chấp: Ông N kiện ông H, bà T yêu cầu trả số tiền cho vay, nên xác định đây là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 và 471 của Bộ luật dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Theo lời khai giữa hai bên tại Biên bản hòa giải do Tòa án lập ngày 09/6/2022 cũng như lời khai tại phiên tòa hôm nay, hai bên khai thống nhất:

Vào năm 2018, ông H, bà T có vay tiền của ông N nhiều lần và có trả. Đến ngày mừng 01/8AL/2018, ông bà còn thiếu ông N số tiền 140.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng. Sau ông H, bà T trả được 03 tháng tiền lãi số tiền là 25.200.000 đồng thì ngưng. Đến ngày 30/10/2019, ông H, bà T trả vốn số tiền 10.000.000 đồng. Còn nợ lại tiền vốn vay là 130.000.000 đồng. Sau ông N tính thêm tiền lãi thành số tiền 280.000.000 đồng, ông H bà T trả được 04 lần mỗi lần 10.000.000 đồng, tổng cộng số tiền là 40.000.000 đồng. Ông N tính ông H, bà T còn nợ 240.000.000 đồng và ông H, bà T có viết “Biên nhận đề ngày 22/6/2020”. Sau khi viết biên nhận này, ông H, bà T có trả được 03 lần mỗi lần 6.000.000 đồng là 18.000.000 đồng.

Xét thấy ông H, bà T thừa nhận có vay tiền của ông N, nên xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông N với ông H, bà T thực tế phát sinh theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[2.2]. Xét thấy số tiền lãi suất các bên đã thống nhất thực hiện xong, hai bên không tranh chấp gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét lại.

[2.3]. Riêng số tiền 240.000.000 đồng tại chứng cứ ông N cung cấp là “Biên nhận đề ngày 22/6/2020”, ông H, bà T thừa nhận có ký tên, ông N cũng thừa nhận số tiền vốn còn là 130.000.000 đồng và tính tiền lãi suất là 6%/tháng mới thành số tiền 240.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông H, bà T xin trả vốn và trả lãi theo mức lãi suất Ngân hàng.

- Xét mức lãi suất cho vay các bên thỏa thuận là 6%/tháng là cao vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định “...Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay... Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.”

Do mức lãi suất thỏa thuận vay của các bên là cao và hiện phía ông H, bà T không đồng ý, nên mức lãi suất được điều chỉnh lại theo quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và mức lãi suất được tính là 20%/năm cụ thể như sau:

- Số tiền vốn vay còn 130.000.000 đồng tính từ ngày 22/6/2020 tính đến ngày 22/6/2022 tính tròn là 02 năm: số tiền vốn 130.000.000 đồng x 20%/năm x 02 năm thành tiền lãi là 52.000.000 đồng.

Vậy tổng cộng tiền vốn và tiền lãi ông H, bà T phải trả cho ông N số tiền là 182.000.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông N chỉ có một phần cơ sở, nên chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông N. Buộc ông H, bà T phải trả tiếp cho ông N số tiền 182.000.000 đồng

[3]. **Về án phí:** Các bên phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông H, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn, ông N phải chịu án phí phần không được chấp nhận yêu cầu

[4]. **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Đông N.

- Buộc ông Huỳnh Minh H và bà Phạm Thị Kim T trả cho ông Lưu Đông N số tiền 182.000.000 đồng.

Kể từ ngày ông N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H, bà T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Minh H và bà Phạm Thị Kim T chịu 9.100.000 đồng.

- Ông Lưu Đông N chịu 2.000.000 đồng phần không được chấp nhận yêu cầu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông đã nộp là 5.550.000 đồng theo biên lai thu số 0009715 ngày 06/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho ông N số tiền 3.550.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo:

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Nhịn